

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG CÁC TỘI PHẠM TRÊN LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, MẠNG VIỄN THÔNG

TRẦN ANH TUẤN* - HOÀNG DUY HIỆP**

Trong tình hình hiện nay, tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông diễn biến rất phức tạp. Hoạt động phòng, chống loại tội phạm này cơ bản đã tiến hành có hiệu quả, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế, trong đó có nguyên nhân từ những vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật có liên quan. Do đó, hệ thống pháp luật có liên quan đến phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông cần được sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới.

Từ khóa: Pháp luật; hoàn thiện pháp luật; phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm; tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông; tội phạm công nghệ cao.

Ngày nhận bài: 06/07/2022; Biên tập xong: 21/07/2022; Duyệt đăng: 25/07/2022

Recently, situation of crimes on information technology and telecommunications network is very complicated. In general, the prevention and fight against this type of crime has been carried out effectively. However, there are still limitations which are caused by inadequacies of the relevant legal system. Therefore, it is essential to amend and supplement the legal system related to prevention and fight against crimes on information technology and telecommunications networks in the next time.

Keywords: Law; completing the law; prevention and fight against crime; crimes on information technology and telecommunications networks; high-tech crime.

1. Đặt vấn đề

Trong tình hình hiện nay, lợi dụng sự phát triển của khoa học kỹ thuật nói chung và sự phát triển của công nghệ thông tin, mạng viễn thông nói riêng, tình hình tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông diễn biến ngày càng phức tạp, với nhiều phương thức, thủ đoạn hoạt động phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, các cơ quan và người có thẩm quyền đã áp dụng các quy định của pháp luật có liên quan để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý tội phạm. Qua đó, tình hình tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông thời gian qua cũng đã cơ bản được kiểm soát. Bên cạnh những thành tích đạt được, công tác phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông vẫn còn những tồn tại, hạn chế mà một trong những nguyên nhân là do vướng mắc, bất cập từ hệ thống pháp luật có liên quan. Chính vì vậy,

việc nghiên cứu hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông là hết sức cần thiết, có ý nghĩa lớn cả về lý luận và thực tiễn.

2. Thực trạng hệ thống pháp luật về phòng, chống các tội phạm trên lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông

Có thể nói, hệ thống pháp luật nhằm phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông là tương đối hoàn thiện, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công tác phòng, chống tội phạm. Bên cạnh những quy định về phòng, chống tội phạm nói chung như quy định về trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội về phòng, chống tội phạm, quy định về hệ thống các

* Thiếu tá, Thạc sĩ, Trưởng phòng An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Công an tỉnh Quảng Bình

** Trung tá, Tiến sĩ, Khoa Luật, Học viện An ninh nhân dân

biện pháp phòng, chống tội phạm... thì pháp luật Việt Nam đã có những quy định liên quan trực tiếp đến hoạt động phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Có thể kể ra những văn bản quy phạm pháp luật điển hình như Luật An ninh mạng năm 2018; Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, gọi tắt là BLHS năm 2015); Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 gọi tắt là BLHS năm 2015); Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 15/2020 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử...

Các quy định trên và những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác đã quy định tương đối đầy đủ về nhiều lĩnh vực hoạt động để phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông như quy định về hoạt động quản lý nhà nước, quy định về công tác phát hiện, ngăn chặn, xử lý các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Điển hình là quy định tại Mục 2, Chương XXI của BLHS năm 2015 đã xác định rõ các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông bao gồm các tội sau đây: Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật (Điều 285); Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử (Điều 286); Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử (Điều 287); Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông (Điều 288); Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác (Điều 289); Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290); Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công

khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng (Điều 291); Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh (Điều 293); Tội cố ý gây nhiễu có hại (Điều 294) [1]. Có thể nói hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay đã tạo hành lang pháp lý tương đối hoàn thiện để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm nói chung và tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông nói riêng.

Bên cạnh những ưu điểm, hệ thống pháp luật Việt Nam về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông vẫn còn những hạn chế, bất cập, gây khó khăn, vướng mắc cho hoạt động phòng, chống loại tội phạm này. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, Luật An ninh mạng và một số luật chuyên ngành như Luật An toàn thông tin mạng, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Luật Tần số vô tuyến điện... tuy đã tạo hành lang pháp lý quan trọng trong công tác quản lý nhà nước để phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông nhưng vẫn có những quy định còn chung chung, chưa rõ ràng, chậm có văn bản hướng dẫn gây khó khăn, vướng mắc cho hoạt động áp dụng pháp luật xử lý các hành vi phạm tội.

Tại khoản 3 Điều 9 và các điểm a, đ khoản 1 Điều 19 của Luật An ninh mạng mới chỉ quy định hết sức chung chung về hành vi sản xuất, đưa vào sử dụng phần mềm; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử, nhưng chưa quy định cụ thể, rõ ràng như thế nào là chương trình tin học gây hại cho mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc như thế nào là công cụ, thiết bị, phần mềm có tính năng tấn công mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để làm cơ sở cho việc xác định tội danh [6]. Do đó, các cơ quan, người tiến hành tố tụng gặp nhiều khó khăn trong

việc xác định tội danh theo các tội như Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử (Điều 286) hoặc Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật (Điều 285) [1].

Khoản 3 Điều 26 Luật An ninh mạng quy định: *“Doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có hoạt động thu thập, khai thác, phân tích, xử lý dữ liệu về thông tin cá nhân, dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ, dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra phải lưu trữ dữ liệu này tại Việt Nam trong thời gian theo quy định của Chính phủ. Doanh nghiệp ngoài nước quy định tại khoản này phải đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam”* [1]. Mặc dù vậy, pháp luật hiện nay lại không quy định nào về chế tài nếu vi phạm quy định này.

Thứ hai, BLHS năm 2015 tuy đã được sửa đổi, bổ sung khá cụ thể, nhất là các quy định về các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, tạo thuận lợi cho các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong xử lý các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ, mạng viễn thông. Tuy nhiên, trong Bộ luật này và các đạo luật chuyên ngành liên quan còn một số quy định chung chung, chưa bảo đảm rõ ràng, cụ thể, gây vướng mắc trong nhận thức và áp dụng.

Điều 287 BLHS năm 2015 mới chỉ quy định chung chung về 03 hành vi *“Người nào tự ý xóa, làm tổn hại hoặc thay đổi phần mềm, dữ liệu điện tử hoặc ngăn chặn trái phép việc truyền tải dữ liệu của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử hoặc có hành vi khác cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử...”* [1], chưa hướng dẫn cụ thể từng loại hành vi như thế nào là: 1) Hành vi tự ý xóa, làm tổn hại hoặc thay đổi phần mềm, dữ liệu điện tử; 2) Hành vi ngăn chặn trái phép việc truyền tải dữ liệu của mạng máy tính, mạng viễn thông,

phương tiện điện tử hoặc có hành vi khác cản trở và 3) Hành vi gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử...”. Do đó, các cơ quan, người tiến hành tố tụng thường gặp nhiều khó khăn để xác định từng hành vi phạm tội nêu trên.

Điểm b khoản 2 Điều 287 và điểm b khoản 2 Điều 288 BLHS năm 2015 mới chỉ quy định chung về tình tiết *“Lợi dụng quyền quản trị mạng máy tính, mạng viễn thông”*, chưa có hướng dẫn cụ thể về tình tiết này. Đồng thời, khoản 1 Điều 288 BLHS năm 2015 quy định về tình tiết định tội *“gây dư luận xấu làm ảnh hưởng tới uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân...”*, khoản 2 Điều này quy định về 02 tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là: *“Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc quan hệ đối ngoại của Việt Nam”* (điểm e) và *“Dẫn đến biểu tình”* (điểm g) nhưng cũng chỉ quy định mang tính chất chung chung.

Điểm d khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 chỉ quy định chung về tình tiết *“Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán nhằm chiếm đoạt tài sản”* [1]. Khoản 4 Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng cũng chỉ quy định chung về phát tán thư rác, phần mềm độc hại, thiết lập hệ thống thông tin giả mạo, lừa đảo. Do đó, các cơ quan, người tiến hành tố tụng gặp khó khăn khi xác định hành vi phạm và thủ đoạn phạm tội để có cơ sở xác định tội danh.

Bên cạnh đó, điểm đ khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 quy định tình tiết *“Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, Internet nhằm chiếm đoạt tài sản”*, còn trước đây điểm d khoản 1 Điều 226b BLHS năm 1999 lại quy định *“hành vi khác nhằm chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị”*, nên thực tế còn chưa nhận thức thống nhất là 02 tình tiết này có tính chất tương tự hay không?

Khoản 1 Điều 291 BLHS năm 2015 về tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng quy định *“Người nào thu thập, tàng trữ,*

trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác với số lượng từ 20 tài khoản đến dưới 50 tài khoản hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...". Trên thực tiễn, hiện còn chưa được nhận thức thống nhất trong việc xử lý đối tượng có hành vi mua bán, cho thuê, cho mượn trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác cho đối tượng khác thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì sẽ xử lý theo tội danh thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng theo Điều 291 BLHS 2015 hay tội danh lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 BLHS năm 2015 hay xử lý theo cả 2 tội danh nêu trên nếu có đủ yếu tố cấu thành cả 02 tội danh này?

Thứ ba, một số quy định của BLTTHS năm 2015 có liên quan trực tiếp đến phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông còn chưa cụ thể và chặt chẽ, gây khó khăn vướng mắc cho công tác khởi tố, điều tra các vụ án về các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông.

Trước hết, quy định của BLTTHS có liên quan đến quá trình thu thập củng cố tài liệu chứng cứ là dữ liệu điện tử như quy định chi tiết về hoạt động phục hồi chứng cứ dữ liệu điện tử còn chưa cụ thể. Đây là vấn đề rất quan trọng liên quan trực tiếp đến quá trình chứng minh tội phạm. Khoản 4 Điều 107 BLTTHS năm 2015 thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử mới chỉ nêu: "*Việc phục hồi, tìm kiếm, giám định dữ liệu điện tử chỉ được thực hiện trên bản sao; kết quả phục hồi, tìm kiếm, giám định phải chuyển sang dạng có thể đọc, nghe hoặc nhìn được*" [2]. Ngoài ra, Bộ luật này cũng như các văn bản quy phạm pháp luật khác cho đến nay chưa có quy định cụ thể về hoạt động phục hồi chứng cứ như cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, thiết bị, phần mềm để phục hồi dữ liệu điện tử, dữ liệu điện tử sau khi được phục hồi có được coi là nguồn chứng cứ hay không. Thực tế công tác phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực

công nghệ thông tin, mạng viễn thông cho thấy, phần lớn các đối tượng đã kịp thời tẩy xóa, sửa chữa, tiêu hủy dữ liệu điện tử liên quan đến hoạt động phạm tội của chúng ngay trước khi bị bắt giữ. Để xác định rõ hành vi phạm tội của đối tượng, cơ quan chức năng bắt buộc phải phục hồi lại những dữ liệu điện tử này. Do chưa có quy định cụ thể về hoạt động phục hồi dữ liệu điện tử nên việc sử dụng các dữ liệu điện tử sau khi phục hồi làm tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của tội phạm còn nhiều bất cập.

Một vấn đề nữa là quy định về thẩm quyền điều tra đối với các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông trong BLTTHS. Một đặc điểm của loại tội phạm này là đối tượng ở một địa điểm và thực hiện hành vi phạm tội tại địa điểm khác, thậm chí là ở quốc gia này nhưng thực hiện hành vi phạm tội tại quốc gia khác. Chính vì vậy, cần có quy định cụ thể thẩm quyền điều tra vụ án về các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông.

3. Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông

Trong thời gian qua, với sự tham mưu của các cơ quan, tổ chức liên quan phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ đã từng bước xây dựng, ban hành các chỉ thị, nghị quyết, đường lối chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Tuy nhiên, do sự phát triển quá nhanh của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, viễn thông nên các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành còn chưa theo kịp để điều chỉnh, quản lý trong lĩnh vực này. Để xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho hoạt động phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông cần tập trung vào những nội dung sau:

Một là, tập trung nghiên cứu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật An ninh mạng để nâng cao hiệu quả áp dụng Luật An ninh mạng trong thực tiễn, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông.

Để phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, cần tập trung rà soát, nghiên cứu đề xuất với Quốc hội, Chính phủ và phối hợp các bộ, ngành chức năng ban hành, từng bước hoàn thiện thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý vững chắc cho hoạt động phòng ngừa, điều tra, xử lý tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, trong đó tập trung vào các văn bản hướng dẫn Luật An ninh mạng.

Năm 2018, Quốc hội đã thông qua Luật An ninh mạng, tuy nhiên hiện các cơ quan chức năng vẫn đang nghiên cứu xây dựng các Nghị định hướng dẫn theo quy định của Luật An ninh mạng. Do vậy, cần tập trung nghiên cứu xây dựng, sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật này để áp dụng vào thực tiễn nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Cụ thể, thời gian tới cần ban hành các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

Nghị định sửa đổi bổ sung Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

Nghị định về việc thẩm định, đánh giá, kiểm tra, giám sát, ứng phó, khắc phục cố đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng;

Thông tư biện pháp nghiệp vụ chuyên biệt của lực lượng an ninh mạng và phòng,

chống tội phạm sử dụng công nghệ cao;

Thông tư tiêu chuẩn định mức sử dụng thiết bị kỹ thuật cho lực lượng an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Hai là, hoàn thiện quy định của BLHS có liên quan đến phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông.

Để nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông trong thời gian tới, cần tập trung hoàn thiện BLHS hiện hành ở những nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, cần tập trung nghiên cứu xây dựng trong BLHS một chương riêng về các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông bao gồm các tội danh quy định tại Mục 2 Chương XXI BLHS năm 2015 và bổ sung thêm những tội danh quy định về những hành vi phạm tội mới dự báo sẽ phát sinh trong thời gian tới. Hiện nay, các tội này mới chỉ được quy định trong một mục của Chương XXI BLHS hiện hành.

Thứ hai, nghiên cứu, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để hướng dẫn một số quy định của BLHS về các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, cụ thể như sau:

Nghiên cứu, giải thích, hướng dẫn thế nào là công cụ, thiết bị, phần mềm có tính năng tấn công mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.

Giải thích, hướng dẫn việc xác định: Chương trình tin học gây hại cho mạng máy tính, mạng viễn thông là chương trình tự động hóa xử lý thông tin, gây ra hoạt động không bình thường cho mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc sao chép, sửa đổi, xóa bỏ thông tin lưu trữ trong máy tính, phương tiện điện tử.

Giải thích, hướng dẫn việc xác định: Hành vi phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng máy tính, mạng viễn thông được hiểu là hành vi cố ý lan truyền chương

trình virus, chương trình tin học nhằm gây rối loạn hoạt động, phong tỏa, sao chép, làm biến dạng, huỷ hoại các dữ liệu của máy tính, phương tiện điện tử.

Giải thích, hướng dẫn cụ thể về các hành vi cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử: 1) Hành vi tự ý xóa, làm tổn hại hoặc thay đổi phần mềm, dữ liệu điện tử là hành vi cố ý xóa, làm tổn hại hoặc thay đổi phần mềm, dữ liệu điện tử mà không được sự đồng ý của chủ thể quản lý phần mềm, dữ liệu điện tử đó; 2) Ngăn chặn trái phép việc truyền tải dữ liệu của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử là hành vi trái pháp luật cố ý làm cho việc truyền tải dữ liệu của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử bị gián đoạn hoặc không thực hiện được; 3) Hành vi khác cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử là hành vi cố ý của người không có quyền quản lý, vận hành, khai thác mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử bằng việc đưa vào, truyền tải làm hư hỏng, xóa, làm suy giảm, thay thế hoặc nén dữ liệu máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.

Giải thích, hướng dẫn tình tiết: Lợi dụng quyền quản trị mạng máy tính, mạng viễn thông” (điểm b khoản 2 Điều 287; điểm b khoản 2 Điều 288 BLHS năm 2015) là sử dụng quyền quản lý, vận hành, khai thác và duy trì hoạt động ổn định hệ thống mạng máy tính, mạng viễn thông của mình để thực hiện hành vi phạm tội.

Giải thích, hướng dẫn cụ thể về hành vi “Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản” (điểm d khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015) là hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối, đưa ra

những thông tin sai sự thật về một sản phẩm, một vấn đề, lĩnh vực trong thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu trên mạng nhằm tạo niềm tin cho chủ tài sản, người quản lý tài sản, làm họ tưởng là thật và mua, bán hoặc đầu tư vào lĩnh vực đó; gửi tin nhắn lừa trúng thưởng nhưng thực tế không có giải thưởng để chiếm đoạt phí dịch vụ tin nhắn; quảng cáo bán hàng trên mạng Internet, mạng viễn thông nhưng không giao hàng hoặc giao không đúng số lượng, chất lượng, chất lượng thấp hơn hàng quảng cáo và các hành vi này không thuộc trường hợp quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015.

Hướng dẫn cụ thể việc áp dụng điểm d khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 quy định tình tiết “Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet nhằm chiếm đoạt tài sản” theo hướng không phải là tình tiết tương ứng với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 226b BLHS năm 1999 “hành vi khác nhằm chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị”, bởi về mặt nguyên tắc là hành vi phạm tội nào khi bị xử lý hình sự thì phải được cụ thể trong BLHS năm 2015. Đây chính là lý do Điều 290 BLHS năm 2015 bỏ quy định quét “hành vi khác”.

Nghiên cứu, hướng dẫn việc tính hậu quả “gây thiệt hại” của các tội phạm thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông theo hướng quy đổi thành tiền đối với những hậu quả như: Làm tê liệt, gián đoạn ngưng trệ, đình trệ hoạt động của cơ quan, tổ chức dẫn tới gây thiệt hại là cơ quan, tổ chức và người dân mất nhiều thời gian, tiền bạc mà không giải quyết được công việc và cơ quan, tổ chức mất tiền trả lương cho người lao động của cơ quan, tổ chức mình...

Ba là, hoàn thiện quy định của BLTTHS có liên quan đến phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông.

Cần tập trung hoàn thiện BLTTHS hiện hành những quy định có liên quan đến

phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông sau đây:

Thứ nhất, cần nghiên cứu bổ sung thêm vào BLTTHS năm 2015 một số vấn đề liên quan đến quá trình thu thập củng cố tài liệu chứng cứ là dữ liệu điện tử như quy định chi tiết về hoạt động phục hồi chứng cứ dữ liệu điện tử. Đây là vấn đề rất quan trọng liên quan trực tiếp đến quá trình chứng minh tội phạm. Do chưa có quy định cụ thể về hoạt động phục hồi dữ liệu điện tử nên việc sử dụng các dữ liệu điện tử sau khi phục hồi làm tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của tội phạm còn nhiều bất cập. Để giải quyết vấn đề này, cần bổ sung vào BLTTHS năm 2015 nội dung quy định về việc các cơ quan có thẩm quyền khi phục hồi phải sử dụng thiết bị phần cứng là những thiết bị nào, phần mềm gì để phục hồi (những thiết bị phần cứng và phần mềm có thể thay đổi cho phù hợp với sự phát triển của công nghệ và sự thay đổi này phải do cơ quan có thẩm quyền ban hành bằng văn bản). Những dữ liệu sau khi phục hồi sẽ được công nhận là nguồn chứng cứ để chứng minh tội phạm. Hoặc các dữ liệu điện tử liên quan đến hoạt động phạm tội của đối tượng được lưu tại các máy chủ đặt ở nước ngoài mà khi cơ quan chức năng tải về (download) thì có được coi là nguồn chứng cứ hay không? Căn cứ xác định dữ liệu điện tử được tải về (download) đó là do đối tượng tạo ra (chẳng hạn như căn cứ vào email, số điện thoại đăng ký, xác thực)... Đây là vấn đề cần được quy định trong BLTTHS năm 2015 để tạo khung pháp lý cho quá trình chứng minh tội phạm.

Thứ hai, cần sửa đổi, bổ sung trong BLTTHS năm 2015 quy định về thẩm quyền điều tra đối với tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Do đặc điểm của loại tội phạm này là đối tượng ở một địa điểm và thực hiện hành vi phạm tội tại địa điểm khác thậm chí là ở quốc gia này nhưng thực hiện hành vi phạm tội tại quốc gia khác. Chính vì vậy cần có quy định cụ thể thẩm quyền điều tra vụ án tội phạm trong lĩnh vực công nghệ

thông tin, mạng viễn thông thuộc Cơ quan điều tra nơi đối tượng ngồi thực hiện hành vi hoặc thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra nơi đặt hệ thống máy tính, phương tiện điện tử bị tấn công hay thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra phát hiện ra hành vi phạm tội.

4. Kết luận

Có thể nói, quá trình phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông chính là quá trình áp dụng các quy định của pháp luật có liên quan để phòng ngừa và đấu tranh chống loại tội phạm này. Do đó, sự hoàn thiện của pháp luật có vai trò to lớn quyết định hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Trong thời gian tới, các cơ quan và người có thẩm quyền cần quan tâm hoàn thiện pháp luật, kịp thời tháo gỡ những tồn tại, hạn chế của hệ thống pháp luật, qua đó nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
2. Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021;
3. Chính phủ (2021), *Báo cáo tóm tắt công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2021 tại Kỳ họp thứ 2*, Quốc hội khóa XV;
4. Chính phủ (2020), Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử;
5. Chính phủ (2022), Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản;
6. Luật An ninh mạng năm 2018.